TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2017
V/v *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Lắm;

2. Bà Trần Lệ Chi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hồng Nghi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 278/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 136/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Hồng N, sinh năm 1983 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 9 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Hồng N trình bày*: Năm 2003 chị và anh Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, trong quá trình chung sống vợ chồng không lo cho gia đình, anh T đi làm nhưng không gửi tiền cho chị nuôi con. Mặc dù, gia đình hai bên đã hòa giải hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Võ Duy K, sinh ngày 01/01/2005 và Võ Duy K, sinh ngày 16/9/2009, hiện con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến với yêu cầu của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T, địa chỉ: ấp 9, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N với anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời vào ngày 14/3/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa chị N cương quyết xin được ly hôn với anh T vì vợ chồng chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do anh T không lo cho vợ, con, đến nay thì chị không còn tình cảm với anh T. Đối với anh T, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần đề tham gia hòa giải nhưng anh T vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị N. Điều này, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N với anh T có 02 người con chung tên Võ Duy K, sinh ngày 01/01/2005 và Võ Duy K, sinh ngày 16/9/2009, hiện đang sống chung với chị N và chị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ

án nhưng anh T vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị N. Đồng thời, 02 người con có nguyện vọng được sống chung với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Võ Duy K, sinh ngày 01/01/2005 và Võ Duy K, sinh ngày 16/9/2009. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi người con chung theo quy định của pháp luật. Tại khoản 2, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Áp dụng điều luật đã viện dẫn thì yêu cầu của chị N là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Võ Duy K, sinh ngày 01/01/2005 và Võ Duy K, sinh ngày 16/9/2009 mỗi tháng 1.300.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi 02 người con chung tên Võ Duy K, sinh ngày 01/01/2005 và Võ Duy K, sinh ngày 16/9/2009 tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có, anh T không có ý kiến đối với phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. T hợp sau này các bên có xảy ra tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000 đồng, án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh T phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51; 56, 57, 58; 81, 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Hồng N với anh Võ Văn T.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Võ Duy K, sinh ngày 01/01/2005 và Võ Duy K, sinh ngày 16/9/2009 cho chị Trương Hồng N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Văn T cấp dưỡng nuôi 02 người con chung tên Võ Duy K, sinh ngày 01/01/2005 và Võ Duy K, sinh ngày 16/9/2009 mỗi tháng 1.300.000 đồng, hình thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi 02 người con chung tên Võ Duy K và Võ Duy K tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với T hợp cơ quan thi hành án có quyền quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình chị Trương Hồng N phải nộp 300.000 đồng, ngày 06 tháng 10 năm 2017 chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011614 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, chuyển thu án phí.

Án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng anh Võ Văn T phải nộp 300.000 đồng, anh Võ Văn T có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi án có hiệu lực pháp luật.

"T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, chị Trương Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Nơi thực hiện việc kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Hoài Hận